



DANH SÁCH ĐIỂM THI TUYỂN SINH KHÓA HỌC
"ĐÀO TẠO NGHỀ LUẬT SỞ HỮU TRÍ TUỆ"

Hà Nội, tháng 2/2015

SBD	Họ và tên		Năm sinh	Điểm thi	Ghi chú
001	Vũ Hải	Anh	10/10/1995		Vắng
002	Nguyễn Ngọc	Anh	9/1/1994		Vắng
003	Trần Thị Vân	Anh	10/12/1994		Vắng
004	Nguyễn Mai	Anh	3/28/1994	2.9	
005	Nguyễn Hoàng	Anh	8/24/1995	3.5	
006	Nguyễn Đức	Anh	6/19/1994	3.1	
007	Nguyễn Thị Quỳnh	Anh	9/30/1995	3.4	
008	Lưu Ngọc	Ảnh	10/16/1993		Vắng
009	Trần Thị Nguyệt	Ảnh	5/13/1994	3.4	
010	Hồ Thanh	Bình	5/21/1995	5.15	
011	Phạm Thanh	Bình	9/28/1994	2.25	
012	Nguyễn Thị	Cách	1/21/1994	4.5	
013	Vũ Khánh	Chi	7/14/1995	6.3	
014	Nguyễn Thị	Chiến	2/5/1995	3.65	
015	Lê Phương	Dung	6/9/1994	3.95	
016	Lê Hồng	Dung	6/22/1995		Vắng
017	Nguyễn Thùy	Dương	1/13/1993	4.85	
018	Trần Thùy	Dương	12/6/1995		Vắng
019	Trần Thùy	Dương	9/29/1994	4.5	
020	Trần Hương	Giang	3/12/1995	5.85	
021	Ngô Thị Thanh	Hà	10/12/1995	3.85	
022	Trần Thu	Hà	5/1/1994	3.6	
023	Chu Hoàng	Hải	5/27/1995	3.15	
024	Huỳnh Lê Mỹ	Hạnh	6/9/1994	5.65	
025	Nguyễn Thị	Hân	1/26/1994	6.05	



SBD	Họ và tên		Năm sinh	Điểm thi	Ghi chú
026	Nguyễn Thị Thu	Hiền	9/25/1995		Vắng
027	Phùng Vũ	Hiệp	12/12/1995		Vắng
028	Nguyễn Anh	Hiếu	3/9/1994	5.9	
029	Trần Thị Thanh	Hòa	1/19/1995		Vắng
030	Nguyễn Minh	Hoàng	9/30/1995	4.9	
031	Phạm Mạnh	Hùng	4/5/1994	5.9	
032	Trần Khánh	Huyền	1/26/1994	5.25	
033	Lê Dạ Lan	Hương	10/3/1995	4.4	
034	Nguyễn Thanh	Hương	1/20/1994	5.4	
035	Trịnh Tuấn	Khang	12/25/1995	4.2	
036	Phạm Huy	Khánh	7/10/1995	4.0	
037	Lê Vương Hồng	Lam	4/17/1994		Vắng
038	Nguyễn Hồng	Lê	9/8/1994	4.25	
039	Đặng Thị Thùy	Linh	9/9/1993	4.55	
040	Nguyễn Thị Thùy	Linh	5/22/1995	6.7	
041	Đặng Vũ Thùy	Linh	8/18/1994	9.3	Thủ khoa
042	Nguyễn Thị Mỹ	Linh	3/2/1994	4.8	
043	Đỗ Diệu	Linh	9/4/1995	4.65	
044	Đào Tuấn	Linh	9/14/1995		Vắng
045	Đinh Thị Thùy	Linh	11/15/1994	3.6	
046	Nguyễn Khánh	Ly	10/18/1994	6.0	
047	Trần Hoàng	Minh	12/6/1995	4.9	
048	Đặng Ngọc	Mỹ	10/7/1994	2.8	
049	Trần Thị Việt	Nga	7/27/1994		Vắng
050	Bùi Minh	Ngân	10/2/1995	5.1	
051	Nguyễn Thúy	Ngân	1/25/1994	4.75	
051	Nguyễn Hoàng Bảo	Ngân	9/14/1995	6.4	
053	Nguyễn Tuấn	Nghĩa	9/21/1995	5.1	
054	Đỗ Thị Kim	Oanh	8/2/1994	6.55	
055	Lục Tùng	Phong	10/25/1994	6.1	
056	Hà Thanh	Phúc	7/2/1995	6.5	
057	Hoàng Bích	Phương	10/22/1994		Vắng



BMVN INTERNATIONAL LLC

BLACER & MCKENZIE

SBD	Họ và tên		Năm sinh	Điểm thi	Ghi chú
058	Đặng Ngọc Trần	Phuong	10/15/1994	7.25	
059	Tổng Linh	Phuong	8/28/1994	6.3	
060	Nguyễn Thị Minh	Phuong	1/19/1994	1.6	
061	Nguyễn Hồng	Phuong	4/12/1994	2.65	
062	Nguyễn Thiệu	Quang	3/6/1994		Vắng
063	Nguyễn Thị	Quý	11/28/1995	1.7	
064	Nguyễn Thị	Quỳnh	12/22/1991	5.75	
065	Nguyễn Hoa	Quỳnh	8/27/1995	5.7	
066	Đặng Minh	Tân	3/28/1994	8.3	Á khoa
067	Đoàn Minh	Tú	5/26/1994	4.65	
068	Ngô Cẩm	Tú	1/12/1995		Vắng
069	Vũ Vương	Tuân	9/5/1994		Vắng
070	Lê Hưng	Tứ	8/31/1994	3.75	
071	Nguyễn Phương	Thảo	3/17/1994		Vắng
072	Lê Thị Phương	Thảo	11/27/1995		Vắng
073	Vũ Thị	Thảo	7/21/1994	2.5	
074	Nguyễn Thị Phương	Thảo	3/23/1995	7.85	
075	Lê Thu	Thùy	12/14/1994	5.9	
076	Nguyễn Thu	Thùy	9/22/1994	4.2	
077	Lê Quỳnh	Trang	10/25/1995	0.85	
078	Hoàng Mai	Trang	10/29/1995	5.65	
079	Nguyễn Thúy	Trang	1/2/1995	4.9	
080	Lê Mai	Trang	7/7/1995	6.5	
081	Lương Hạnh	Trang	2/8/1994	4.1	
082	Phạm Thị Thu	Trang	8/10/1994	1.05	
083	Nguyễn Quỳnh	Trang	12/7/1994	5.0	
084	Nguyễn Đình	Trọng	5/25/1994		Vắng
085	Lương Quy	Trung	4/1/1993		Vắng
086	Hoàng Vương	Yến	3/29/1994	2.3	
087	Vũ Hải	Yến	9/8/1994	4.25	